

Bản án số: 128/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2022

V/v tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **ÂU THỊ THẢO**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

2. Ông **LÝ MINH HÙNG**

-Thư ký phiên tòa: Ông **BÙI QUỐC HIỂN** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN THANH BÌNH** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 497/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **PHẠM THỊ H**, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ A, xã Mỹ Đức T, huyện Cái B, tỉnh Tiền G.

2. *Bị đơn:* Anh **PHẠM HOÀI P**, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Lợi N, xã Mỹ L, huyện Cái B, tỉnh Tiền G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Do quen biết có tìm hiểu trước nên chị và anh P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh P không lo làm ăn mà ăn chơi lêu lổng, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên ăn nhậu bê tha, hành xử ngược đãi đánh đập chị và anh chị đã chính thức ly thân từ đó đến nay. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh P.

Con chung có 01 con tên Phạm Hoài B, sinh ngày 26/10/2010 hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi cháu B, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Hoài P không có văn bản ý kiến và vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên; Bị đơn vắng mặt không lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm Hoài P; Giao Phạm Hoài B cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh Phạm Hoài P không phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng; Tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Anh Phạm Hoài P vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh P đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân luôn từ năm 2019 cho đến nay mà cũng không sắp xếp được cuộc sống hôn nhân, gia đình ổn thỏa. Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh P để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đương sự nhưng anh vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến đời sống hôn nhân của vợ chồng. Hơn nữa, anh chị có đầy đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng cả hai xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2009 đến nay mà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Cho nên, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị Hoàng và anh Phương không được công nhận là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Xét thấy, giao cháu Phạm Hoài B, sinh ngày 26/10/2010 cho chị H nuôi. Bởi lẽ, trước giờ cháu B đã sống ổn định với chị H từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Đồng thời, cháu B cũng có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Từ đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung cũng như tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống sinh hoạt của cháu B nên giao cháu Phạm Gia B cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại Tòa, chị H không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi cháu B nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H xác định không có cũng như anh P không có văn bản ý kiến gì liên quan đến nội dung này nên không đặt ra giải quyết là có căn cứ.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị H và anh Phạm Hoài P là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Phạm Hoài B, sinh ngày 26/10/2010 cho chị Phạm Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Hoài P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0000997 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Đương sự;
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ÂU THỊ THẢO

